ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN **HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2022**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 858 /TB-HĐTDVC	*Hóc Môn, ngày 28 tháng 10 năm 2022*

THÔNG BÁO

Thí sinh đủ điều kiện và không đủ điều kiện tham gia kỳ tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo huyện Hóc Môn năm 2022

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch 4029/KH-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022;

Căn cứ Công văn số 4667/UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo năm 2022

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Công văn số 1838/GDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2022 và Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 1650/TTr-NV ngày 25 tháng 10 năm 2022.

Hội đồng tuyển dụng viên viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn năm 2022 thông báo như sau:

1. Thí sinh đủ điều kiện tham gia kỳ tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo huyện Hóc Môn năm 2022 (vòng 2): 369 trường hợp (theo danh sách đính kèm).

2. Thí sinh không đủ điều kiện tham gia kỳ tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo huyện Hóc Môn năm 2022 (vòng 2): 03 trường hợp (*theo danh sách đính kèm*).

3. Lệ phí tuyển dụng: 400.000 đồng/thí sinh.

Từ ngày 07 tháng 11 năm 2022 đến hết ngày 09 tháng 11 năm 2022, thí sinh đủ điều kiện tham gia kỳ tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo huyện Hóc Môn năm 2022 (vòng 2) nhận Giấy báo danh và đóng lệ phí tuyển dụng tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, địa chỉ số 814, đường Song Hành, Quốc lộ 22, Khu phố 4, Thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thời gian và địa điểm kiểm tra sát hạch

- Thời gian kiểm tra sát hạch: ngày 11 tháng 11 năm 2022 và ngày 12 tháng 11 năm 2022.

- Địa điểm kiểm tra sát hạch: Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi, địa chỉ số 402, đường Tô Ký, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn.

Lưu ý:

- Thí sinh tập trung tại địa điểm kiểm tra sát hạch theo đúng thời gian và địa điểm ghi trong Giấy báo danh để làm thủ tục kiểm tra sát hạch.

- Thí sinh mang theo Căn cước công dân và Giấy báo danh trong các ngày thi để đối chiếu danh sách.

- Thí sinh thực hiện nguyên tắc phòng, chống dịch COVID - 19 trong thời gian tham gia kỳ tuyển dụng./.

Nơi nhận:
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;
- Hiệu trưởng các trường học thuộc huyện;
- Các thí sinh dự tuyển;
- Lưu: VT, NV.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Lê Thụy Mỵ Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS ĐẶNG CÔNG BỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS ĐẶNG CÔNG BỈNH
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Nguyễn Huỳnh Tường	Vy	Nữ	01/01/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	TOEIC 850	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	HSK 3		Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
2	Hồ Duy	Nhân	Nam	08/11/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
3	Bùi Văn	Long	Nam	17/10/1977	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự
4	Nguyễn Võ Lệ	Huyền	Nữ	06/10/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
5	Nguyễn Cao	Đăng	Nam	21/10/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	A			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
6	Giang Thuý	Quỳnh	Nữ	26/02/1998	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất	A2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	
7	Phạm Văn	Tuyền	Nam	10/08/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
8	Trịnh Anh	Tuấn	Nam	19/01/1987	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B	B			Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
9	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	Nữ	01/07/1988	Kinh	Trung cấp	Y sỹ	B	B				Y tế trường học	

* Danh sách trên có 09 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS ĐÔNG THẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS ĐÔNG THẠNH
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam /Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Ngô Văn	Chiến	Nam	06/03/1986	Kinh	Đại học	Giáo dục chính trị	B	B		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Giáo dục công dân	Giáo viên THCS hạng III	Quân nhân xuất ngũ
2	Nguyễn Tiến	Sĩ	Nam	13/01/1991	Kinh	Đại học	Giáo dục tiểu học; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trí tuệ và trẻ rối loạn phổ tự kỷ	A2	B			Nhân viên hỗ trợ giáo dục khuyết tật	Hỗ trợ giáo dục khuyết tật	
3	Đoàn Thị Minh	Trang	Nữ	03/09/1990	Kinh	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản				Y tế trường học	
4	Nguyễn Thụy Yến	Vy	Nữ	16/02/1995	Kinh	Cao Đẳng	Công nghệ thông tin	B	Cao Đẳng				Công nghệ thông tin	

* Danh sách trên có 04 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS LÝ CHÍNH THẮNG 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS LÝ CHÍNH THẮNG 1
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam /Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Trần Gia	Huy	Nam	01/11/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
2	Trương Trường	Thịnh	Nam	12/11/1985	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	TOEIC 560				Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
3	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	27/10/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
4	Đỗ Ngọc Phương	Uyên	Nữ	26/09/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
5	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	Nữ	12/9/2000	Kinh	Đại học	Kế toán	TOEIC 605	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao			Kế toán	Kế toán	
6	Dương Thị Cẩm	Hằng	Nữ	02/12/1985	Kinh	Đại học	Kế toán	B				Kế toán	Kế toán	

* Danh sách trên có 06 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Dương Trần	Phương	Nam	22/08/1988	Kinh	Đại học	Giáo dục Thể chất	HSK5	A			Giáo viên thể dục	Giáo viên THCS hạng III	
2	Trần Thị Ngọc	Huyền	Nữ	02/04/1995	Kinh	Thạc sĩ	Toán Ứng dụng	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Cử nhân Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
3	Dư Thúy	Uyên	Nữ	13/9/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	A2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
4	Lệ Thị Bích	Huyền	Nữ	20/05/1984	Kinh	Đại học	Quản lý Văn hóa	B	A		Chứng chỉ Nghiệp vụ thông tin thư viện		Thư viện	
5	Trương Hoàng Phương	Linh	Nữ	20/04/1993	Kinh	Trung cấp	Văn thư lưu trữ	B	B				Văn thư	

* Danh sách trên có 05 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	28/08/1987	Kinh	Đại học	Kế Toán	B	B				Thủ quỹ	
2	Nguyễn Thị Diễm	Thuý	Nữ	07/11/1983	Kinh	Trung cấp	Y sĩ	B	A				Y tế trường học	

* Danh sách trên có 02 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS XUÂN THỚI THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS XUÂN THỚI THƯỢNG
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Lục Thị Như	Ý	Nữ	15/01/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	Chuẩn đầu ra	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
2	Lê Thị	Thương	Nữ	10/05/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
3	Phạm Quốc	Bình	Nam	17/12/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	A2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
4	Nguyễn Lê Hồng	Hạnh	Nữ	27/02/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
5	Trần Thị Ngọc	Bích	Nữ	04/12/1989	Kinh	Trung cấp	Y sỹ	B	A				Y tế trường học	

* Danh sách trên có 05 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS TRUNG MỸ TÂY 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS TRUNG MỸ TÂY 1
(Kèm theo Thông báo số 878 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Lê Thị Hồng	Đào	Nữ	03/10/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
2	Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	13/11/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	A2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
3	Phạm Thị Thúy	Mỹ	Nữ	11/11/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	
4	Đỗ Thị Mỹ	Trinh	Nữ	25/11/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
5	Từ Hữu	Nguyên	Nam	15/02/1998	Hoa	Đại học	Sư phạm Toán học	Chuẩn đầu ra	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
6	Nguyễn Hoàng Minh	Hiếu	Nam	28/12/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	A			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
7	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	12/09/1992	Kinh	Đại học	Huấn luyện thể thao	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên thể dục	Giáo viên THCS hạng III	
8	Trần Bảo	Toàn	Nam	12/11/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật Lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
9	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	28/12/1989	Kinh	Đại học	Vật lý học	B	A		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
10	Trần Thị	Nga	Nữ	02/11/1983	Kinh	Đại học	Vật lý học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao		Cao đẳng Sư phạm Vật lý	Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
11	Hoàng Ngọc Cát	Tường	Nam	28/06/1986	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật Lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
12	Võ	Đại	Nam	01/04/1990	Kinh	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	B1	B		Cử nhân Sư phạm Vật lý	Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
13	Nguyễn Ngọc	Tài	Nữ	07/07/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
14	Nguyễn Thị Ngọc	Phụng	Nữ	07/09/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
15	Trịnh Thị Thủy	Anh	Nữ	16/02/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	A2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
16	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	Nữ	27/12/1992	Kinh	Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	B1	B		Cử nhân Sư phạm Vật lý - tin học	Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
17	Trịnh Thị Ngọc	Hà	Nữ	12/03/1979	Kinh	Đại học	Luật; Chứng chỉ Quản trị văn phòng và công tác văn thư, lưu trữ	B	Văn phòng				Văn thư	
18	Lê Thị Ánh	Tuyết	Nữ	22/9/1990	Kinh	Trung cấp	Y sĩ						Y tế trường học	

* Danh sách trên có 19 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS TÔ KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS TÔ KÝ
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2					
1	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	20/02/1988	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	B	B			Giáo viên Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	THCS Tô Ký	
2	Nguyễn Thị Ngọc	Đào	Nữ	21/06/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	THCS Tô Ký	
3	Trần Tấn	Phước	Nam	14/02/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	THCS Tô Ký	
4	Lương Đoàn Đức	Huy	Nam	05/12/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử	B2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	HSK3		Giáo viên Lịch Sử	Giáo viên THCS hạng III	THCS Tô Ký	
5	Võ Thị Tường	Vy	Nữ	15/01/1995	Kinh	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	THCS Tô Ký	
6	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	27/12/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	THCS Tô Ký	
7	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	20/12/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán - Lý	B	B			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	THCS Tô Ký	
8	Nguyễn Minh	Huy	Nam	23/12/2021	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm				
9	Ngô Thị Thảo	Vi	Nữ	30/10/1981	Kinh	Đại học	Kế toán	B	A				Kế toán	THCS Tô Ký	

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2					
10	Nguyễn Đoàn Thuý	An	Nữ	06/06/1991	Kinh	Trung cấp	Y sỹ	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản				Y tế trường học	THCS Tô Ký	

* Danh sách trên có 10 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 29 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Huỳnh Thị Ngọc	Kiều	Nữ	15/11/1996	Kinh	Đại học	Giáo dục chính trị	B	A			Giáo viên Giáo dục công dân	Giáo viên THCS hạng III	
2	Phạm Thị Kiều	Hạnh	Nữ	02/10/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Chuẩn đầu ra	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
3	Võ Quỳnh	Như	Nữ	26/04/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
4	Ngô Thi	An	Nữ	16/09/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
5	Bùi Thị	Ngọc	Nữ	13/02/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
6	Vũ Thị Tố	Nga	Nữ	02/9/1981	Kinh	Đại học	Ngữ văn	B	A		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
7	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	01/01/1987	Kinh	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	B1	B		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
8	Huỳnh Tấn	Nghĩa	Nam	30/05/1982	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		A			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
9	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	08/11/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	TOEIC 465	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
10	Đặng Hoàng	Thạch	Nam	18/08/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
11	Phạm Thị	Hiền	Nữ	01/02/1981	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao			Giáo viên thể dục	Giáo viên THCS hạng III	
12	Đỗ Thị Mỹ	Dung	Nữ	07/07/1988	Kinh	Trung cấp	Y sỹ	B	A				Y tế trường học	

* Danh sách trên có 12 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS TAM ĐÔNG 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS TAM ĐÔNG 1
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	Nữ	02/04/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	Chuẩn đầu ra	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	
2	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	25/08/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	
3	Đinh Thị	Hải	Nữ	30/08/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	
4	Phan Thị Thúy	Yên	Nữ	17/06/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	A2	B			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
5	Đỗ Đặng Kim	Ngân	Nữ	20/03/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	
6	Lê Thị Hải	Lê	Nữ	24/07/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	
7	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Nữ	01/09/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	B2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	
8	Trần Thị Anh	Đào	Nữ	09/10/1991	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học			Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
9	Trần Khánh	Chi	Nữ	19/11/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	C	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	HSK3		Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
10	Tăng Thị Minh	Tâm	Nữ	14/11/1990	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	B	C Trung	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
11	Nguyễn Thanh	Tú	Nữ	27/02/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
12	Phạm Thị	Điệp	Nữ	10/11/1987	Kinh	Đại học	Kế toán	C	B				Kế toán	
13	Nguyễn Thị Lệ	Kha	Nữ	03/06/1983	Kinh	Trung cấp	Thư viện - thiết bị trường học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản				Thư viện	

* Danh sách trên có 13 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Phạm Hoàng Thuỷ	Tiên	Nữ	11/03/1998	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng Nhật N4	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
2	Lê Công	Trứ	Nam	13/04/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
3	Lãnh Triệu Hồng	Duyên	Nữ	01/11/1998	Tày	Đại học	Sư phạm Toán học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	Dân tộc thiểu số
4	Nguyễn Huỳnh Đức	Huy	Nam	24/9/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
5	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	03/02/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
6	Đào Thị	Nga	Nữ	24/03/1991	Kinh	Đại học	Vật lý	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
7	Nguyễn Thụy Hoài	Phương	Nữ	21/01/1983	Kinh	Trung cấp	Tin học quản lý	B	Trung cấp				Công Nghệ Thông tin	
8	Phạm Hữu	Hưng	Nam	20/10/1992	Kinh	Trung cấp	Công nghệ thông tin	C	A				Công Nghệ Thông tin	
9	Chương Thị Mỹ	Thi	Nữ	26/01/1992	Kinh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B				Kế toán	

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
10	Trịnh Hoàng Vân	Anh	Nữ	01/03/1988	Kinh	Trung cấp	Thư viện - thiết bị trường học	B	B				Thư viện	

* Danh sách trên có 10 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BỨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BỨA
(Kèm theo Thông báo số 878 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam /Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Lâm Hoàng	Thành	Nam	28/07/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	B	A			Giáo viên Âm nhạc	Giáo viên THCS hạng III	
2	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	01/01/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B1	B			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
3	Trần Minh	Tính	Nam	10/12/1987	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B	B			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
4	Phạm Thanh	Thiên	Nam	17/04/1985	Kinh	Thạc sĩ	Công nghệ Hóa học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
5	Phạm Văn	Phong	Nam	23/05/1985	Kinh	Thạc sĩ	Lịch sử	B Trung	B		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Lịch Sử	Giáo viên THCS hạng III	
6	Phạm Văn	Vũ	Nam	15/08/1988	Kinh	Đại học	Lịch sử	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Lịch Sử	Giáo viên THCS hạng III	
7	Lê Thị	Nga	Nữ	02/12/1986	Kinh	Đại học	Văn học	B			Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
8	Phan Thị	Lý	Nữ	19/04/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
9	Phan Thị Thanh	Trúc	Nữ	24/02/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
10	Nguyễn Thị Hiền	Linh	Nữ	02/07/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
11	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	05/01/1988	Kinh	Đại học	Ngữ văn				Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
12	Văn Thanh	Nga	Nữ	10/07/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	B	B			Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	

STT	Họ	Tên	Nam /Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
13	Lê Thị Khánh	Vi	Nữ	03/08/1993	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	A2	B			Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	
14	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Nữ	20/11/1990	Kinh	Đại học	Tiếng Anh	C1	B	A2 Tiếng Nhật	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
15	Lê Văn	Huy	Nam	20/06/1983	Kinh	Đại học	Tiếng Anh	B2	B	Tiếng Trung B	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
16	Phan Thị	Nga	Nữ	30/03/2000	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
17	Dương Hữu	Huân	Nam	13/03/1973	Kinh	Đại học	Sư phạm Anh văn		A			Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
18	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	29/08/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
19	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	06/11/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
20	Nguyễn Tất	Lịch	Nam	15/10/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
21	Nguyễn Trần Trung	Tân	Nam	21/09/1997	Kinh	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Toeic 295	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao				Kế toán	
22	Triệu Thị Mai	Đào	Nữ	24/05/1994	Kinh	Đại học	Kế toán	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản				Kế toán	
23	Lê Thị	Đào	Nữ	25/02/1988	Kinh	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	B	B				Y tế trường học	

* Danh sách trên có 23 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Tạ Thế	Thạch	Nam	01/06/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
2	Nguyễn Duy	Dũng	Nam	01/12/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
3	Đỗ Thị Thu	Hoa	Nữ	21/11/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B	B			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
4	Trần Minh	Luyện	Nam	22/01/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
5	Danh Thị Tuyết	Nhi	Nữ	19/09/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
6	Bùi Quỳnh	Hương	Nữ	24/11/1996	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	C1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng Hàn B1	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
7	Lê Vương Bảo	Trâm	Nữ	24/12/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	TOEIC 975	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	HSK3		Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
8	Phan Nữ Nhật	Hạnh	Nữ	12/12/1995	Kinh	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán	B2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Cử nhân Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
9	Trần Văn	Thiện	Nam	01/05/1988	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	C	Kỹ thuật viên			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
10	Phan Thị Bích	Hà	Nữ	11/06/1989	Kinh	Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	B	B		Cử nhân Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
11	Đào Thị Thu	Thảo	Nữ	01/02/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
12	Trang Thị Mỹ	Ánh	Nữ	28/10/1989	Kinh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B				Kế toán	
13	Phạm Hoàng	Yến	Nữ	15/01/1990	Kinh	Trung cấp	Y sỹ	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản				Y tế trường học	
14	Trần Quang	Long	Nam	30/05/1993	Kinh	Trung cấp	Tin học ứng dụng	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản				Công nghệ thông tin	

* Danh sách trên: có 14 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS BÙI VĂN THỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS BÙI VĂN THỦ

(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Hoàng Quang	Ty	Nam	09/03/1989	Kinh	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	B	A			Giáo viên Âm nhạc	Giáo viên THCS hạng III	con thương binh
2	Trần Hồng Ngọc	Ngân	Nữ	28/06/1992	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	A2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
3	Dương Hạnh Minh	Hoàn	Nữ	15/12/1988	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B	A			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
4	Phạm Thị	Ngân	Nữ	02/07/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	A2	B			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
5	Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	01/12/1995	Kinh	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Hóa				Cử nhân Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
6	Trần Thị Diệu	Lan	Nữ	26/10/1991	Kinh	Thạc sĩ	Hóa vô cơ	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Cử nhân Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
7	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	07/08/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
8	Thông Thị Thu	Hoàng	Nữ	10/06/1998	Raglay	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Dân tộc thiểu số

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
9	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	13/02/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn					Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
10	Trần Thanh	Linh	Nam	28/09/1987	Kinh	Đại học	Anh văn	Đại học	B	Chứng chỉ B tiếng Trung	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
11	Nguyễn Vũ Thiên	Trang	Nữ	21/12/1998	Kinh	Đại học	Ngôn Ngữ Anh	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	HSK2	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
12	Phạm Đỗ Uyên	Chi	Nữ	30/08/1997	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Chứng chỉ B tiếng Nhật	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
13	Đào Nguyễn Ngọc	Lâm	Nam	19/07/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học					Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
14	Nguyễn Nam	Phong	Nam	13/11/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	con thương Binh
15	Lê Thị	Thắm	Nữ	10/04/1982	Kinh	Đại học	Toán học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
16	Nguyễn Duy	Linh	Nam	28/04/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
17	Diệp Thị Thanh	Tâm	Nữ	02/5/1989	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B1	B			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
18	Vũ Mạnh	Đức	Nam	16/12/1998	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất	A2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên thể dục	Giáo viên THCS hạng III	
19	Phạm Thanh	Sang	Nam	23/07/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	con thương binh

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
20	Nguyễn Trí	Viễn	Nam	19/04/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật Lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
21	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	09/08/1990	Kinh	Trung cấp	Y Sỹ đa khoa	Anh văn giao tiếp	Tin học ứng dụng				Y tế trường học	
22	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	06/10/1995	Kinh	Trung cấp	Y sỹ	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản				Y tế trường học	

** Danh sách trên có 22 thí sinh./.*

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS ĐẶNG THÚC VỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS ĐẶNG THÚC VỊNH
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	19/10/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
2	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	07/03/1990	Kinh	Đại học	Hóa học	B	A		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
3	Trần Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	09/07/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
4	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	12/08/1989	Kinh	Thạc sĩ	Hóa phân tích	B	B		Cử nhân Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
5	Hoàng Thị	Tâm	Nữ	25/10/1989	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	A2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
6	Nguyễn Thị	Tiếng	Nữ	12/02/1992	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B	B			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
7	Trần Thị Bích	Hảo	Nữ	05/06/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
8	Trương Ngọc Hoàng	Quyên	Nữ	23/12/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
9	Hà Thành	Phong	Nam	04/02/1992	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học		A			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
10	Võ Thị Hoa	Quỳnh	Nữ	10/09/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B1	B			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
11	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	21/10/1993	Kinh	Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy học Hóa học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Cử nhân Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
12	Trịnh Thị Hoàng	Yến	Nữ	25/12/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	TOEIC 700	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
13	Dương Thị Hồng	Lĩnh	Nữ	10/06/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử	B	A			Giáo viên Lịch Sử	Giáo viên THCS hạng III	
14	Nguyễn Thị	Hòa	Nam	25/07/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	C	B			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
15	Phan Thị Châu	Mẫn	Nữ	03/10/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
16	Lưu Xuân	Vinh	Nam	15/06/1984	Kinh	Đại học	Ngữ Văn	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Con bệnh binh
17	Hoàng Thị	Thắm	Nữ	18/08/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn					Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
18	Đào Duy	Nam	Nam	27/08/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao			Giáo viên ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	
19	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	Nữ	26/02/1989	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	B	A			Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	
20	Trần Lưu Phúc	Thịnh	Nữ	15/06/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	B2	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Tiếng Trung HSK3		Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
21	Đặng Thanh	Trúc	Nữ	10/05/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
22	Đỗ Thanh	Hùng	Nam	19/02/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	A			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
23	Lê Nguyễn Trúc	Anh	Nữ	04/11/1996	Kinh	Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp giảng dạy Toán học	B2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Cử nhân Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
24	Đinh Thị Kim	Hà	Nữ	17/10/1993	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	A			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
25	Trần Phương	Vũ	Nam	18/06/1989	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	B			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
26	Lương Thị Thu	Hạnh	Nữ	10/08/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	B			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
27	Trần Thị Cẩm	Tiên	Nữ	16/12/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
28	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	24/12/1992	Kinh	Đại học	Toán Ứng dụng	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
29	Nguyễn Thị Cẩm	Giàu	Nữ	15/08/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
30	Ma Xuân	Út	Nam	10/11/1975	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	A			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
31	Phạm Thị	Tiền	Nữ	20/04/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
32	Nguyễn Xuân	Tuấn	Nam	09/08/1995	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	B			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
33	Nguyễn Thị	Bông	Nữ	20/02/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	B			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
34	Đặng Văn	Phú	Nam	15/05/1978	Kinh	Thạc sĩ	Phương pháp Toán sơ cấp	B1	B		Cử nhân Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
35	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	29/07/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
36	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	05/05/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
37	Mai Thị	Liên	Nữ	26/07/1992	Kinh	Thạc sĩ	Toán giải tích	B1	IC3		Cử nhân Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
38	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	20/03/1993	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	B			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
39	Lê Văn	Thuận	Nam	02/06/1984	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
40	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	22/03/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1				Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
41	Đinh Thị	Hương	Nữ	23/06/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
42	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	30/09/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
43	Phan Thị	Hiếu	Nữ	07/09/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B	A			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
44	Nguyễn Tấn	Khải	Nam	07/01/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
45	Nguyễn Thị Bích	Loan	Nữ	29/08/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
46	Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	27/02/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý					Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
47	Phạm Thị	Nga	Nữ	26/02/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
48	Võ Thị	Ngân	Nữ	16/7/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
49	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	17/09/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	TOEIC 490				Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
50	Nguyễn Duy	Phương	Nam	02/10/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
51	Mai Thế	Đoan	Nam	20/06/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên vật lý	Giáo viên THCS hạng III	
52	Hồ Thị	Trang	Nữ	20/06/1987	Kinh	Đại học	Kế toán	B	A				Kế toán	
53	Nguyễn Minh	Trang	Nữ	23/12/1989	Kinh	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	B	A				Kế toán	

* Danh sách trên có 53 thí sinh./.

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
12	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	Nữ	19/06/1991	Kinh	Đại học	Kế Toán	TOEIC 625	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao				Kế toán	
13	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	04/03/1990	Kinh	Trung cấp	Y sỹ		B				Y tế trường học	

* Danh sách trên có 13 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG THCS ĐỖ VĂN DẬY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRƯỜNG THCS ĐỖ VĂN DẬY

(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Phùng Nguyễn Gia	Phong	Nam	01/09/1984	Kinh	Thạc sĩ	Công nghệ Hóa học	C	Trung cấp		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
2	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	12/08/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	A2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
3	Vương Thanh	Toàn	Nam	01/12/1988	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Đại học	A			Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	
4	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	Nữ	01/10/1973	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	
5	Cao Thị Ánh	Tuyết	Nữ	01/09/1992	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	C	B			Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	
6	Lê Vũ Thảo	Nguyên	Nữ	08/06/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	Chuẩn đầu ra	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	
7	Lê Diễm	Thy	Nữ	17/08/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	IELTS 7,0	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	HSK3		Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
8	Phạm Đình	Luân	Nam	13/06/1994	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	B Tiếng Hoa	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	
9	Lã Ngô Ngọc	Ánh	Nữ	04/10/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	A			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
10	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	13/10/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	
11	Vũ Thị	Trang	Nữ	20/11/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	

STT	Họ	Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
12	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	Nữ	19/06/1991	Kinh	Đại học	Kế Toán	TOEIC 625	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao				Kế toán	
13	Trần Thị Th.ı	Hằng	Nữ	04/03/1990	Kinh	Trung cấp	Y sỹ		B				Y tế trường học	

* Danh sách trên có 13 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Thông báo số 858 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Diện ưu tiên
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2				
1	Phạm Hữu	Cẩn	Nam	30/06/1976	Kinh	Đại học	Sư Phạm Tiếng Anh	Đại học	B	HSK2		Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THPT hạng III	
2	Nguyễn Đỗ Huyền	Trâm	Nữ	21/07/2000	Kinh	Đại học	Giáo dục chính trị	Chuẩn đầu ra	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Giáo dục công dân	Giáo viên THPT hạng III	
3	Nguyễn Thị Kim	Thảo	Nữ	16/08/1979	Kinh	Trung cấp	Hạch toán kế toán	B	A				Thủ quỹ	

* Danh sách trên có 03 thí sinh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 258 /TB-HĐTDVC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ					Nghiệp vụ sư phạm	Chức danh	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Lý do
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ 2					
1	Lê Thị Ngọc	Bích	Nữ	06/06/1984	Kinh	Đại học	Ngoại ngữ	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ giảng dạy Tiếng Anh tiểu nhi	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Nhị Xuân	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm không phù hợp
2	Hoàng Văn	Cường	Nam	08/11/1983	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin				Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên Trung cấp chuyên nghiệp	Giáo viên Tin học	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trung Mỹ Tây 1	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm không phù hợp
3	Lâm Sơn	Trung	Nam	09/07/1974	Kinh	Đại học	Anh văn	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản			Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THPT hạng III	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm

* Danh sách trên có 03 thí sinh./.